

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 08 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5- 2019
V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Thu An
2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Anh Phạm Duy K, sinh năm 1988

2.*Bị đơn:* Chị Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Tờ 7, ấp Thủ Chánh, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Duy K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Duy K và chị Võ Thị Ngọc H chung sống vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống chúng tôi đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi vã. Vợ chồng chị H, anh K đã sống ly thân hơn 03 năm nay. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ nhưng không cải thiện được mâu thuẫn. Nay anh K thấy không còn tình cảm với chị H nữa, anh K thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên muốn ly hôn với chị H

Về con chung: Quá trình chung sống anh K, chị H có 02 con chung tên Phạm Võ Khanh N1 sinh ngày 23/8/2012 và Phạm Võ Khanh N sinh ngày 11/8/2010 hiện con đang sống cùng chị H. Nay ly hôn anh K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Trước đây anh K có yêu cầu Tòa án giao cả hai con cho chị H nuôi nhưng vào ngày 27/12/2019 anh K có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện về con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/12/2018 bị đơn chị Võ Thị Ngọc H trình bày:

Chị H thống nhất với lời trình bày của anh Phạm Duy K về điều kiện chung sống, điều kiện kết hôn cũng nhưng nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do có người thứ ba chen vào và anh K, chị H đã ly thân được 3 năm. Nay trước yêu cầu ly hôn của anh K thì chị H đồng ý

Về con chung: Chị H thống nhất vợ chồng 02 con chung tên Phạm Võ Khanh N1 sinh ngày 23/8/2012 và Phạm Võ Khanh N sinh ngày 11/8/2010 hiện con đang sống cùng chị H. Khi ly hôn chị H đồng ý nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: chị H thống nhất không yêu cầu tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Võ Thị Ngọc H để chị H đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng chị H vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận thêm ý kiến, nguyện vọng của chị H được

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Duy K có đơn xin xét xử vắng mặt, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Bị đơn chị H vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2019 nhưng chị H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến

+ Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; Đối với đương sự: từ khi thụ lý vụ án tới nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 của BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy Anh Phạm Duy K và chị Võ Thị Ngọc H chung sống vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H, chị H cũng đồng ý ly hôn.

Căn cứ Điều 9, Điều 51 luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề xuất

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho anh Phạm Duy K được ly hôn với chị Võ Thị Ngọc H

Về con chung: do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu con chung, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên cũng không đề cập.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét nghĩa vụ nộp án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1} Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn anh Phạm Duy K, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bị đơn chị Võ Thị Ngọc H có nơi cư trú tại tổ 7, ấp Thủ Chánh, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Võ Thị Ngọc H nhưng do chị H đã được Tòa án nhiều triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng chị H vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Duy K, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1} Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Duy K và chị Võ Thị Ngọc H tự nguyện sống chung với vào năm chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước vào năm 2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh K cho rằng quá trình chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi vã. Anh K chị H đã sống ly thân được 3 năm. Lời trình bày của anh K cũng phù hợp lời trình bày của chị H về nguyên nhân mâu thuẫn vợ cũng như việc anh chị có thời gian dài sống ly thân với nhau. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 07/12/2018 chị H cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa anh K và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh K, cho anh K được ly hôn với chị H.

{2.2} Về nuôi con chung: anh K, chị H có 02 con chung tên Phạm Võ Khanh N1 sinh ngày 23/8/2012 và Phạm Võ Khanh N sinh ngày 11/8/2010. Quá trình khởi kiện anh K có yêu cầu tòa án giải quyết giao cả 02 con chung cho chị H nuôi nhưng vào ngày 18/4/2018 anh K có đơn rút yêu cầu khởi kiện của mình về phần nuôi con

chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét việc rút đơn của anh K là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng chấp nhận.

{2.3} Về tài sản chung, nợ chung: Anh K không yêu cầu giải quyết.

{2.4} Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh K phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 217, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân*: Cho anh Phạm Duy K được ly hôn với chị Võ Thị Ngọc H

2. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Anh Phạm Duy K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009741 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Thành

Phạm Xuân Đính

Ung Thị Ngọc Thanh